

PHỤ LỤC 1

**CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
NHIỆM KỲ 2025 - 2030**

(Kèm theo Chương trình hành động 03 -CTrHD/TU ngày 14 tháng 11 năm 2025.)

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Mục tiêu/Kế hoạch	Đơn vị phụ trách, theo dõi	Ghi chú
I	Chỉ tiêu kinh tế (06 nhóm chỉ tiêu, tương ứng 08 chỉ tiêu thành phần)			
1	(1.1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân	10 - 11%/năm	Thống kê Thành phố	
	(1.2) Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người đạt	khoảng 14.000 - 15.000 USD/người	Thống kê Thành phố	
2	(2) Tổng vốn đầu tư xã hội bình quân 5 năm	35 - 40% GRDP	Thống kê Thành phố	
3	(3) Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP đạt:	60% GRDP	Thống kê Thành phố	
4	(4) Tỷ trọng kinh tế số chiếm	từ 30 - 40% GRDP	Sở Khoa học và Công nghệ	
5	(5.1) Tổng chi xã hội cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt	2 - 3% GRDP	Sở Khoa học và Công nghệ	
	(5.2) Bố trí chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số	ít nhất 4 - 5% tổng chi ngân sách hàng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	
6	(6) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội trong giai đoạn 2026 - 2030 bình quân	khoảng 8%/năm	Thống kê Thành phố	
II	Chỉ tiêu xã hội (09 nhóm chỉ tiêu, tương ứng 16 chỉ tiêu thành phần)			
7	(7) Chỉ số phát triển con người (HDI) ở mức	trên 0,8	Thống kê Thành phố	
8	(8.1) Đến năm 2030, số giường bệnh trên 10.000 dân	35,1 giường	Sở Y tế	
	(8.2) Đến năm 2030, số bác sỹ bình quân trên 10.000 dân	21 bác sỹ	Sở Y tế	
	(8.3) Đến năm 2030, số điều dưỡng bình quân trên 10.000 dân	35 điều dưỡng	Sở Y tế	

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Mục tiêu/Kế hoạch	Đơn vị phụ trách, theo dõi	Ghi chú
9	(9) Từ năm 2026, người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần và được lập sổ sức khỏe điện tử để quản lý sức khỏe theo vòng đời	Được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần	Sở Y tế	
10	(10.1) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế $\geq 95\%$ vào năm 2026; bao phủ toàn dân vào 2030	Đến năm 2030, bao phủ toàn dân	Sở Y tế	
	(10.2) Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội đạt 62% lực lượng lao động trong độ tuổi	trên 62%	Bảo hiểm xã hội TP	
11	(11) Đến năm 2030, tỷ lệ trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia		Sở Giáo dục và Đào tạo	
	(11.1) Mầm non	40%	Sở Giáo dục và Đào tạo	
	(11.2) Tiểu học	45%	Sở Giáo dục và Đào tạo	
	(11.3) Trung học cơ sở	50%	Sở Giáo dục và Đào tạo	
	(11.4) Trung học phổ thông	38,5%	Sở Giáo dục và Đào tạo	
12	(12) Đến năm 2030, bảo đảm tối thiểu 300 phòng học/10.000 dân trong độ tuổi đi học (từ 3 đến 18 tuổi).	Đến năm 2030, bảo đảm tối thiểu 300 phòng học/10.000 dân trong độ tuổi đi học (từ 3 đến 18 tuổi)	Sở Giáo dục và Đào tạo	
13	(13) Tỷ lệ lao động có trình độ cao đẳng, đại học đạt	ít nhất 24% trở lên	Sở Giáo dục và Đào tạo	
14	(14) Tỷ lệ học sinh/sinh viên ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ đạt	ít nhất 35% trở lên	Sở Giáo dục và Đào tạo	
15	(15) Phấn đấu đến cuối năm 2030	không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo Thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
III	Chỉ tiêu về đô thị và môi trường (05 nhóm chỉ tiêu, tương ứng 07 chỉ tiêu thành phần)			
16	(16) Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị	đạt 16 - 26%	Sở Xây dựng	
17	(17.1) Đến năm 2030, tỷ lệ thu gom nước thải đô thị đạt	khoảng 80%	Sở Xây dựng	
	(17.2) Đến năm 2030, tỷ lệ nước	40 - 45%	Sở Xây	

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Mục tiêu/Kế hoạch	Đơn vị phụ trách, theo dõi	Ghi chú
	thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn đạt		dụng	
	(17.3) Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được tái chế, xử lý bằng công nghệ mới	trên 90%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
18	(18) Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định	11%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
19	(219) Đến cuối năm 2030, số căn hộ nhà ở xã hội tăng thêm	đạt 199.400 căn	Sở Xây dựng	
20	(20) Đến cuối năm 2030	phần đầu hoàn thành công tác di dời 50% căn nhà trên và ven kênh rạch trên địa bàn Thành phố (20.000 căn)	Sở Xây dựng	
IV	Chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh (04 nhóm chỉ tiêu, tương ứng 06 chỉ tiêu thành phần)			
21	(21) Đảm bảo tuyển quân hàng năm đạt 100%, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, vững mạnh toàn diện, “mẫu mực tiêu biểu”, đáp ứng yêu cầu quốc phòng, an ninh	100%	Bộ Tư lệnh Thành phố	
22	(22.1) Số vụ phạm tội về trật tự xã hội	Giảm tối thiểu 5%/năm số vụ	Công an Thành phố	
	(22.2) Số vụ tai nạn giao thông	Giảm tối thiểu 5%/năm số vụ	Công an Thành phố	
23	(23) Hằng năm phần đầu kéo giảm 5% tổng số vụ cháy cấp III trở lên.	Kéo giảm 5%	Công an Thành phố	
24	(24.1) Phần đầu trên 50% xã, phường, đặc khu không ma túy	Vượt 50%	Công an Thành phố	
	(24.2) Phần đầu 100% xã, phường, đặc khu trên địa bàn Thành phố không phức tạp về ma túy; tiến tới kiểm soát và đẩy lùi tội phạm và tệ nạn ma túy ra khỏi đời sống xã hội.	100%	Công an Thành phố	
V	Chỉ tiêu xây dựng Đảng (06 nhóm chỉ tiêu, tương ứng 09 chỉ tiêu thành phần)			
25	(25) Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ năm sau cao hơn năm trước, giảm tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng không hoàn thành	< 0,5	Ban Tổ chức Thành ủy	

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Mục tiêu/Kế hoạch	Đơn vị phụ trách, theo dõi	Ghi chú
	nhiệm vụ (%/năm)			
26	(26) Người đứng đầu cấp ủy thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương đạt (%)	100	Ban Tổ chức Thành ủy	
27	(27.1) Tổ chức cơ sở đảng, đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm (%)	> 90	Ban Tổ chức Thành ủy	
	(27.2) Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới đạt (%)	3 - 4	Ban Tổ chức Thành ủy	
28	(28.1) Thực hiện kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng, đảng viên theo chương trình và kế hoạch (%)	100	Ủy ban Kiểm tra Thành ủy	
	(28.2) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kết luận sau kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng, đảng viên (%)	100	Ủy ban Kiểm tra Thành ủy	
29	(29) Tổ chức đảng xây dựng thực hiện chuyển đổi số có hiệu quả đạt (%)	100	Văn phòng Thành ủy	
30	(30.1) Hằng năm, các cấp ủy đảng trực thuộc có ít nhất 01 mô hình “Dân vận khéo” (mô hình/năm)	01	Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy	
	(30.2) Trong nhiệm kỳ có ít nhất 50 mô hình “Dân vận khéo” được nhân rộng (mô hình/nhiệm kỳ)	50	Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy	